

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

Bản án số: 277/2025/HS-ST
Ngày: 11-12-2025

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Trung.

Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Văn Huệ.

Ông Nguyễn Ngọc Thành.

Bà Phan Thị Ngọc Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đoàn Hữu Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Trương Kim Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 276/2025/TLST-HS ngày 31 tháng 10 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 297/2025/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2025; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa xét xử vụ án số 543/TB-TA ngày 26 tháng 11 năm 2025 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Quốc S** (tên gọi khác: không), sinh ngày 15/10/1969 tại tỉnh Bắc Ninh.

Giới tính: Nam.

Căn cước công dân số: 027069011900 cấp ngày 31/7/2023, nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về Trật tự xã hội.

Nơi cư trú: C, khu phố A, phường T, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Hưu trí; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không.

Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Đảng viên. Đã bị kỷ luật bằng hình thức khai trừ.

Họ tên cha: Nguyễn Quốc V, sinh năm 1936.

Họ tên mẹ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1936.

Gia đình có 07 anh, em, bị cáo là con thứ tư. Có vợ tên Hồ Thị K, sinh năm 1973 (đã ly hôn năm 2011) và có 02 con (con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2001).

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 20/9/2024, bị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận (cũ) xử phạt 12 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo đang chấp hành án tại Trại tạm giam T - Bộ C. Hiện được trích xuất đến Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh Đ.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Trần Quốc T1, bà Nguyễn Thị Kiều N – Luật sư thuộc Văn phòng L, Đoàn Luật sư tỉnh Đ.

- *Bị hại:*

+ Ông Cao Hữu T2, sinh năm 1974.

+ Bà Đào Thị Thu S1, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: Tổ C, khu phố H, xã T, tỉnh Đồng Nai.

- *Người làm chứng:* Anh Đào Minh K1, sinh năm 1983.

Địa chỉ: 9/15/9 M, phường P, tỉnh Khánh Hòa.

Bị cáo, ông T2, bà S1, anh K1 có mặt; luật sư T1, luật sư N có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 2022, Nguyễn Quốc S quen biết với Đào Minh K1 và cả 2 thuê nhà ở cùng nhau tại thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng (cũ). Trong quá trình sống cùng nhà, S nói dối với K1 là S có thửa đất số 374, tờ bản đồ số 26 tại xã B, tỉnh Đồng Nai trị giá khoảng 1.000.000.000 đồng mục đích là mượn tiền của K1 để tiêu xài. Sau đó, K1 đòi tiền thì S nói K1 bán giúp thửa đất thuộc xã B, tỉnh Đồng Nai nêu trên với giá 1.000.000.000 đồng để lấy tiền trả cho K1, thì K1 đồng ý kiếm người mua.

Do có nhiều người hỏi mua đất nói trên, K1 nói với S dẫn khách đi đến địa chỉ thửa đất nhưng do đất không có nên S tìm nhiều lý do để từ chối. K1 nghi ngờ và hỏi S có thửa đất trên có thật không thì S lên mạng xã hội Facebook đặt làm giả 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất số CV414835 mang tên Nguyễn Tôn H và Phạm Thị Bích M cập nhật thông tin chuyển nhượng cho Nguyễn Quốc S vào ngày 06/7/2020 đối với thửa đất số 374, tờ bản đồ số 26 thuộc xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là xã B, tỉnh Đồng Nai) với giá 5.000.000 đồng rồi đưa cho K1 coi và chụp hình lại. Đến khoảng tháng 10/2022, K1 báo với S có anh rể là Cao Hữu T2 mua với giá 900.000.000 đồng thì S đồng ý bán và hứa sẽ dẫn ông T2 đi xem đất. Ngày 31/10/2022, K1, S cùng đi đến nhà ông T2 tại xã T, tỉnh Đồng Nai gặp ông T2, rồi S dẫn vợ chồng ông T2 và K1 đến 01 khu đất đang phân lô tại xã B, tỉnh Đồng Nai (do trước đây S có môi giới mua bán thửa đất tại khu vực này nên biết vị trí) và chỉ đại vào 01 thửa đất hơn 100m² nói là thửa đất số 374, tờ bản đồ số 26 của mình (qua xác minh thì thửa đất số 374, tờ bản đồ số 26 là của ông Nguyễn Văn K2, sinh năm 1981, địa chỉ xóm C, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định). Ông T2 yêu cầu cho xem GCNQSD đất thì K1 cho vợ chồng ông T2 coi hình chụp Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) giả mà S đã đưa cho K1 xem trước đây. S cam kết sẽ chịu trách nhiệm làm thủ tục cấp GCNQSD đất mới cho ông T2. Ông T2 đồng ý mua nên S nhận của vợ chồng ông T2 10.000.000 đồng làm chi phí đi lại và nói sẽ cân trừ vào tiền bán đất. Chiều cùng ngày, ông T2 chuyển 410.000.000 đồng vào tài khoản số 6200205334298 của K1 mở tại Ngân hàng N2 (A) trả tiền mua đất. S nói K1 cứ giữ, khi nào cần thì S sẽ lấy. Từ ngày 01/11/2022 đến ngày 16/12/2022, S nhiều lần yêu cầu K1 chuyển số tiền 410.000.000 đồng đến số tài khoản 1969586868 của S mở tại Ngân hàng Q (MB) để sử dụng tiêu xài cá nhân.

Đầu năm 2023, ông T2 yêu cầu tiến hành đo đạc và xác định ranh giới thửa đất mới tiếp tục trả tiền nên ngày 09/01/2023, S, K1 và vợ chồng ông T2 đến thửa đất tại xã B, tỉnh Đồng Nai kiểm tra lại diện tích đất. Đo đất xong thì ông T2 chuyển khoản 280.000.000 đồng đến số tài khoản 1969586868 của S mở tại Ngân hàng Q (MB). Khoảng cuối tháng 01/2023, ông T2 liên hệ mượn Khương số tiền 200.000.000 đồng trả tiền mua đất cho S. K1 đồng ý và báo với S là nhận đủ tiền ông T2 mua đất. Khương trừ 150.000.000 đồng tiền S nợ trước đó, còn 50.000.000 đồng S nói Khương giữ để chi tiêu chung. Sau đó, S lên mạng xã hội Facebook đặt làm giả 01 GCNQSD đất số CV414835 đối với thửa đất số 374, tờ bản đồ số 26, diện tích 118,1m² tại xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là xã B, tỉnh Đồng Nai) đứng tên Cao Hữu T2 với giá 5.000.000 đồng. Khoảng tháng 4/2025, sau khi nhận được GCNQSD đất giả trên, S gửi bưu điện cho ông T2.

Đến đầu tháng 5/2023, ông T2 đăng GCNQSD đất giả mà S đưa cho mình rồi đăng lên mạng xã hội để bán thì được một số người nói là sỏ giả nên ông T2 đưa GCNQSD đất đến Văn phòng công chứng kiểm tra được Công chứng viên cho biết GCNQSD đất là giả. Ông T2 hỏi S, S thừa nhận đã làm giả GCNQSD đất để lừa bán cho ông T2 lấy tiền trả nợ và tiêu xài. S xin ông T2 cho thời gian để khắc phục lại số tiền đã nhận. Từ ngày 21/5/2023 đến ngày 02/8/2023, S đã bồi thường cho ông T2 được số 340.000.000 đồng, còn lại số tiền là 560.000.000 đồng đến nay S chưa bồi thường. Quá trình điều tra, Nguyễn Quốc S đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 76/CT-VKS-P2 ngày 27 tháng 8 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đã truy tố bị cáo Nguyễn Quốc S về tội danh: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm b, khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo điều khoản nói trên và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm b, khoản 3 Điều 341; điểm b, s, v khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc S từ 13 năm đến 15 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; 03 đến 04 năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Quan điểm của ông Nguyễn Quốc T3, bà Nguyễn Thị Kiều N là người bào chữa cho bị cáo:

Về tội danh, luật sư thống nhất với Cáo trạng, không có ý kiến gì thêm.

Về tình tiết giảm nhẹ: Theo Cáo trạng số 76/CT-VKS-P2 ngày 27/8/2025 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai cũng đã căn nhắc đến một số tình tiết giảm nhẹ và chính sách khoan hồng đối với bị cáo là: Bị cáo đã bồi thường thiệt hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; quá trình công tác có khen thưởng các cấp; gia đình có công với cách mạng. Luật sư thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát.

Về tình tiết tăng nặng: Viện kiểm sát cho rằng bị cáo phạm tội 2 lần trở lên quy định tại điểm g, khoản 2 Điều 52 Bộ luật Hình sự là không thỏa đáng. Vì vụ án do Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận (cũ) trước đây đã xét xử bằng bản án có hiệu lực pháp luật, bản thân bị cáo cũng đang chấp hành án. Do vậy, vấn đề này đề nghị được xem là có tiền án nhân thân không tốt chứ không xem là tình tiết tăng nặng.

Ngoài ra, hiện nay, bị cáo đang phải chấp hành một Bản án khác với thời hạn 12 năm tù, với những sai lầm của bị cáo và những cảm dỗ mà bản thân bị cáo không vượt qua được, bị cáo đã rất ân hận, ăn năn về hành vi của mình, đã và đang cùng với gia đình khắc phục hậu quả. Mặt khác, bị hại cũng đã thấu hiểu, cảm thông và có sự hỗ trợ trong việc giảm bớt yêu cầu bồi thường thiệt hại; bị cáo tuổi tác cũng đã cao, sức khỏe yếu nên luật sư kính đề nghị Hội đồng xét xử khoan hồng, xem xét áp dụng một bản án hợp tình hợp lý để bị cáo có cơ hội được trở về đoàn tụ với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Người bào chữa theo chỉ định cho bị cáo là luật sư Trần Quốc T1, luật sư Nguyễn Thị Kiều N thuộc Văn phòng L, Đoàn Luật sư tỉnh Đ bận công tác, có đơn xin xét xử vắng mặt và đã gửi bài bào chữa cho bị cáo. Tại phiên tòa, bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa. Căn cứ Điều 291 Bộ luật Hình sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về tội danh:

Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Quốc S khai nhận: Do muốn có tiền trả nợ và tiêu xài nên Nguyễn Quốc S đã nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của người khác bằng thủ đoạn lên mạng xã hội Facebook đặt làm giả 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 374, tờ bản đồ số 26 thuộc xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là xã B, tỉnh Đồng Nai) mang tên ông Nguyễn Tôn H, bà Phạm Thị Bích M cập nhật thông tin chuyển nhượng cho Nguyễn Quốc S vào ngày 06/7/2020. Vào ngày 31/10/2022, tại khu phố H, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai (nay là xã T, tỉnh Đồng Nai), thông qua Đào Minh K1, S đã bán cho ông Cao Hữu T2, bà Đào Thị Thu S1 diện tích đất 118,1m² thuộc thửa đất số 374, tờ bản đồ số 26, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là xã B, tỉnh Đồng

Nai) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất giả trên với giá 900.000.000 đồng. Do tin tưởng nên ông T2, bà S1 đã 03 lần đưa tiền tổng cộng là 900.000.000 đồng cho bị cáo. Sau khi nhận đủ tiền, S tiếp tục đặt làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 414835 cấp ngày 20/12/2022 thửa đất số 374, tờ bản đồ số 26, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là xã B, tỉnh Đồng Nai) mang tên Cao Hữu T2 rồi giao lại cho ông T2.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, lời khai của các bị hại, lời khai của người làm chứng, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Từ đó, có đủ căn cứ xác định, bị cáo Nguyễn Quốc S đã có thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của ông Cao Hữu T2, bà Đào Thị Thu S1 03 lần với tổng số tiền là 900.000.000 đồng. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đã quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Quốc S về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a, khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Để thực hiện hành vi lừa đảo, Nguyễn Quốc S đã đặt làm giả 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 414835 mang tên Nguyễn Tôn H và Phạm Thị Bích M cập nhật thông tin chuyển nhượng cho Nguyễn Quốc S vào ngày 06/07/2020 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 414835 tên Cao Hữu T2 đối với thửa đất số 374, tờ bản đồ số 26, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là xã B, tỉnh Đồng Nai). Trong đó, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 414835 mang tên Nguyễn Tôn H và Phạm Thị Bích M đã bị S xé bỏ, không thu hồi được.

Tại Bản kết luận giám định số 1760/KL-KTHS ngày 30/9/2024 của Phòng K3 Công an tỉnh Đ kết luận:

- + Hình dấu tròn Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV414835 so với hình dấu tròn trên các tài liệu do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cung cấp không phải do cùng 01 con dấu đóng ra.

- + Chữ ký tên Nguyễn Đình N1 trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 414835 so với chữ ký tên Nguyễn Đình N1 trên các tài liệu do Văn phòng đăng ký đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đ cung cấp không phải do cùng 01 người ký ra (bút lục số: 80).

Từ đó, có căn cứ xác định Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 414835 mang tên Cao Hữu T2 đối với thửa đất số 374, tờ bản đồ số 26, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là xã B, tỉnh Đồng Nai) là giả. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đã quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Quốc S về tội “Sử dụng giấy tờ, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại Điều 341 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo Nguyễn Quốc S gây ra là rất nguy hiểm cho xã hội.

Bị cáo Nguyễn Quốc S là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, biết rõ việc xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác là vi phạm pháp luật. Nhưng để có tiền tiêu xài, Nguyễn Quốc S đã lên mạng xã hội, đặt làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 374, tờ bản đồ số 26, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là xã B, tỉnh Đồng Nai) để bán cho ông Cao Hữu T2, bà Nguyễn Thị Thu S2, chiếm đoạt tổng số tiền là 900.000.000 đồng.

Hành vi của bị cáo S gây ra đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản, xâm phạm đến hoạt động quản lý hành chính là khách thể bảo vệ của pháp luật hình sự. Việc bị cáo chiếm đoạt số tiền 900.000.000 đồng đã phạm vào tình tiết định khung “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 500.000.000 đồng trở lên” theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Việc bị cáo sử dụng tài liệu giả để lừa đảo, chiếm đoạt 900.000.000 đồng của ông T2, bà S2 đã phạm vào tình tiết định khung “sử dụng con dấu, tài liệu thực hiện tội phạm rất nghiêm trọng” quy định tại điểm b, khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị cáo còn có nhân thân xấu, đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận (cũ) xử phạt 12 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” tại Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2024/HS-ST ngày 20/9/2024. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc S mức án thật nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội nhằm giáo dục bị cáo trở thành người tốt, đồng thời cũng để răn đe và phòng ngừa chung. Đồng thời, tổng hợp hình phạt của bản án này với hình phạt của Bản án số 31/2024/HS-ST ngày 20/9/2024 để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo đã nhiều lần có hành vi chiếm đoạt tài sản của bị hại nên bị cáo phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Quốc S đã thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải. Bị cáo đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại số tiền 540.000.000 đồng và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Trong quá trình công tác, bị cáo Nguyễn Quốc S có nhiều thành tích, được tặng nhiều Giấy khen. Gia đình bị cáo có công với cách mạng. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, v khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Sau khi cân nhắc các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử sẽ xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[6] Đối với Đào Minh K1 không biết việc Nguyễn Quốc S làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để lừa đảo nên đã giới thiệu cho ông T2, bà S2 là chị ruột mua. Tại phiên tòa, bị cáo S cũng xác định khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo không bàn bạc, không cho K1 biết về việc làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để lừa đảo ông T2, bà S2. Khi nhận tiền từ ông T2, K1 đều báo và chuyển hết tiền cho S. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đ không xử lý trách nhiệm hình sự đối với K1 là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa, bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường 360.000.000 đồng còn lại và bị cáo S cũng đồng ý nên ghi nhận.

[9] Về xử lý vật chứng:

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV 414835 mang tên Cao Hữu T2 đối với thửa đất số 374, tờ bản đồ số 26, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai (nay là xã B, tỉnh Đồng Nai) do Nguyễn Quốc S làm giả, được lưu trong hồ sơ vụ án.

- 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CV414835 mang tên Nguyễn Tôn H và Phạm Thị Bích M cập nhật thông tin chuyển nhượng cho Nguyễn Quốc S vào ngày 06/07/2020 bị S xé bỏ, không thu hồi được nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[10] Về án phí: Bị cáo S phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 18.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[11] Quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quốc S có một phần phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận một phần.

[12] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Quốc S phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng giấy tờ, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Căn cứ điểm a, khoản 4 Điều 174; điểm b, khoản 3 Điều 341; điểm b, s, v khoản 1, 2 Điều 51; điểm g, khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc S 12 (mười hai) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc S 03 (ba) năm tù về tội “Sử dụng giấy tờ, tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Tổng hợp hình phạt 12 năm tù tại Bản án hình sự sơ thẩm số 31/2024/HS-ST ngày 20/9/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận cũ (nay là Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa), buộc bị cáo Nguyễn Quốc S phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án là 27 (hai mươi bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/12/2023.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 586, 589 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Quốc S phải trả cho ông Cao Hữu T2, bà Nguyễn Thị Thu S2 số tiền 360.000.000 đồng (ba trăm sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về án phí: Bị cáo S phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 18.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, ông T2, bà S2 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại TP Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- THADS tỉnh Đồng Nai;
- Trại tạm giam số 1 - CA tỉnh ĐN;
- Cơ quan CSĐT – CA tỉnh ĐN;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh ĐN;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh ĐN;
- Bị cáo, bị hại;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- Công an cấp xã nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đình Trung